

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 60/2026/HS-PT
Ngày 21-9-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiêm

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 82/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2026/HS-ST ngày 17-7-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Khánh T, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1982 tại thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số 03008201****. Nơi thường trú và nơi ở: Đường B, khối A, phường K, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công T và bà Lê Thị K; có vợ là Hoàng Thị H và có 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 18-12-2025 đến ngày 20-5-2026 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, tại ngoại từ đó đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thị S, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1982 tại tỉnh Bắc Ninh; căn cước công dân số 02418200****. Nơi thường trú và nơi ở: Đường H, khối B, khu đô thị P, phường K, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L và bà Trần Thị T; có chồng là Đào Hữu M và có 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật;

bị bắt tạm giam từ ngày 18-12-2025 đến ngày 21-5-2026 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, tại ngoại từ đó đến nay; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2022, Phạm Khánh T được một người đàn ông tên A (người Trung Quốc, không biết họ tên thật, địa chỉ) liên hệ qua mạng Wechat đặt vấn đề hợp tác với Phạm Khánh T để mở công ty kinh doanh mặt hàng nông sản nhập khẩu từ Trung Quốc về Việt Nam. A tìm kiếm nguồn hàng bên Trung Quốc và lo thủ tục xuất khẩu, Phạm Khánh T lo thủ tục nhập khẩu, sau đó vận chuyển hàng hóa vào nội địa và xuất bán cho khách hàng, đồng thời có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Phạm Khánh T đã gặp và trao đổi với Nguyễn Thị S. Phạm Khánh T hỏi Nguyễn Thị S xem có ai đứng ra nhận làm thủ tục thành lập công ty và lo phần kê khai thuế không. Bản thân Phạm Khánh T biết đối với hàng nông sản nhập khẩu khi xuất bán cho doanh nghiệp thì không phải tính thuế giá trị gia tăng (viết tắt là thuế GTGT) nhưng nếu xuất bán cho cá nhân và hộ kinh doanh thì thuế suất được tính 5% nên Phạm Khánh T nói với Nguyễn Thị S nếu làm thì Phạm Khánh T chỉ làm tính thuế 1%, nếu tính thuế 5% thì Phạm Khánh T không làm được. Nguyễn Thị S đồng ý và liên hệ tìm người. Khoảng 03 ngày sau, Nguyễn Thị S nói với Phạm Khánh T để cho Nguyễn Thị S làm, Nguyễn Thị S đã tìm được người để làm rồi. Phạm Khánh T và Nguyễn Thị S thống nhất, Nguyễn Thị S sẽ lo hoàn thiện thủ tục thành lập công ty, tổng hợp kê khai thuế của công ty mới cũng như liên hệ xử lý để công ty được tính nộp thuế theo thuế suất 1% giá trị hàng hóa xuất bán. Hàng tháng Nguyễn Thị S sẽ tổng hợp, thông báo để Phạm Khánh T chuyển tiền theo số liệu mà Nguyễn Thị S cung cấp và Phạm Khánh T trả cho Nguyễn Thị S số tiền công hàng tháng là 20.000.000đồng.

Do Nguyễn Thị S nói không quen biết ai để mượn căn cước công dân làm thủ tục và đứng tên người đại diện pháp luật để lập công ty, nên Phạm Khánh T mượn căn cước công dân của Hoàng Thị Lan A là người quen của Phạm Khánh T. Phạm Khánh T nói cho Hoàng Thị Lan A biết lý do mượn căn cước để thành lập công ty và được Hoàng Thị L đồng ý. Sau đó, Phạm Khánh T đưa căn cước của Hoàng Thị Lan A cho Nguyễn Thị S để đăng ký thành lập công ty.

Ngày 29-7-2022, Công ty TNHH Đ (viết tắt là Công ty Đ) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 490088****; người đại diện pháp luật mang tên Hoàng Thị Lan A; ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Công ty Đ bắt đầu thực hiện hoạt động nhập khẩu và xuất bán hàng hóa từ tháng 10-2022. Phạm Khánh T tự bỏ vốn thành lập công ty và trực tiếp chỉ đạo hoạt động nhập khẩu như tiếp nhận thông tin hàng hóa với đối tác Trung Quốc, chuyển thông tin cho các cá nhân được Phạm Khánh T thuê làm dịch vụ để mở 343 tờ khai hàng hóa nhập khẩu với mặt hàng nắm thực phẩm các loại và hoa quả tươi tại Cửa khẩu Căng Đ - Hải Phòng; Cửa khẩu Quốc tế H và Cửa khẩu T với tổng giá trị tính theo tờ khai Hải Quan là 154.216.294.999đồng. Sau khi hàng hóa được thông quan, Phạm Khánh T chỉ đạo các lái xe vận chuyển hàng hóa vào nội địa và xuất bán hàng hóa. Nguyễn Thị S thực hiện tổng hợp các số liệu như số lượng xe, số lượng hàng hóa nhập khẩu, số lượng hàng hóa xuất bán, chi phí vận tải, chi phí khác liên quan sau đó kê khai thuế của Công ty Đ. Toàn bộ hàng hóa sau khi được nhập khẩu Công ty Đ đã xuất bán hết cho các cá nhân trên nhiều tỉnh thành nhưng chỉ kê khai xuất 24 hóa đơn GTGT bán cho khách hàng là cá nhân và 01 hóa đơn xuất bán cho doanh nghiệp là Công ty TNHH S với tổng giá trị xuất bán là 513.408.000đồng và Công ty Đ đã nộp số tiền thuế vào ngân sách là 12.205.700đồng.

Trong thời gian Công ty Đ hoạt động, khoảng một tháng sau khi bắt đầu nhập khẩu hàng hóa, Nguyễn Thị S nói với Phạm Khánh T do không có thông tin khách hàng để xuất hóa đơn nên tiền Phạm Khánh T chuyển cho Nguyễn Thị S để nộp thuế cho Công ty Đ chưa được S nộp vào ngân sách. Phạm Khánh T bảo Nguyễn Thị S tự liên hệ giải quyết do phần kê khai thuế Phạm Khánh T đã giao cho Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị S đồng ý. Sau đó Phạm Khánh T và Nguyễn Thị S thống nhất tính tiền thuế của Công ty Đ theo thuế suất 1% theo giá trị tờ khai nhập khẩu thay vì là 1% giá trị xuất bán như ban đầu. Ngoài ra, Nguyễn Thị S nói với Phạm Khánh T phải tính thêm chi phí cho việc giải quyết phần thuế suất 1%, Phạm Khánh T đồng ý và nói Nguyễn Thị S tự cân đối rồi tính vào số liệu thuế hàng tháng để Phạm Khánh T chuyển tiền, Nguyễn Thị S có trách nhiệm quản lý đối với toàn bộ số tiền mà Phạm Khánh T chuyển cho Nguyễn Thị S, khi nào Công ty Đ kê khai nộp thuế được thì S sẽ sử dụng toàn bộ số tiền đã nhận với Phạm Khánh T để nộp thuế cho công ty. Các tháng tiếp theo Nguyễn Thị S tính tiền thuế của Công ty Đ theo mức thuế suất 1,2% đến 1,4% giá trị tờ khai nhập khẩu tùy theo từng tháng không cố định. Tổng cộng Phạm Khánh T đã chuyển cho Nguyễn Thị S số tiền là 2.465.209.197đồng, Nguyễn Thị S đã nộp thuế số tiền là 12.205.000đồng, còn lại 2.453.004.197đồng Nguyễn Thị S vẫn quản lý. Đến tháng 4-2023 công ty tạm dừng hoạt động. Sau khi cơ quan chức năng tiến hành mời làm việc thì Nguyễn Thị S đã gặp Phạm Khánh T để trả số tiền còn lại nhưng Phạm Khánh T không nhận và bảo Nguyễn Thị S tiếp tục tìm cách để nộp thuế cho Công ty Đ. Sau khi Phạm Khánh T và Nguyễn Thị S bị khởi tố, bắt tạm giam ông Đào Hữu M (chồng của Nguyễn Thị S) đã trả lại cho bà Hoàng Thị H (vợ của Phạm Khánh T) số tiền 1.500.000.000đồng.

Tại Kết luận số 1595/KL-GĐTP, ngày 14-11-2025 của Thuế tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Tổng số tiền thuế mà Công ty Đ phải nộp ngân sách Nhà nước đối với số hàng hóa đã bán cho các hộ, cá nhân kinh doanh nhưng không xuất

hóa đơn là 15.641.613.063đồng, trong đó số thuế GTGT là 9.320.316.269đồng, thuế TNDN là 6.321.296.794đồng.

Tại công văn số 510/TCS5-KTr1, ngày 05-12-2025 của Thuế cơ sở 5, tỉnh Lạng Sơn xác định tổng số tiền thuế Công ty Đ gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 15.641.613.063đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2026/HS-ST ngày 17-7-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S phạm tội Trốn thuế. Xử phạt bị cáo Phạm Khánh T 03 năm tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Khánh T 70.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị S 50.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Cấm bị cáo Nguyễn Thị S làm công việc kế toán trong thời gian 04 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Truy thu của bị cáo Phạm Khánh T 5.761.075.376đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị S 2.880.537.687đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Thu số tiền các bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả tổng 7.000.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp cưỡng chế, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị cáo Phạm Khánh T kháng cáo xin được hưởng án treo, buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải liên đới khắc phục hậu quả, nộp tiền vào ngân sách Nhà nước tương ứng với mức độ lỗi là $\frac{1}{2}$ số tiền thuế bị thiệt hại đối với biện pháp truy thu. Bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo xin được hưởng án treo, kháng cáo phần quyết định truy thu số tiền 2.880.537.687đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S rút nội dung kháng cáo về biện pháp tư pháp; các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội Trốn thuế là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo rút kháng cáo về biện pháp tư pháp; căn cứ Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của 02 bị cáo về biện pháp tư pháp. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và ấn định mức hình phạt đối với các bị cáo trong khung khoản của điều luật có là có cứ, đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm các tài liệu mới, cụ thể: Bị cáo Phạm Khánh T đã nộp tiền phạt bổ sung 70.000.000đồng, tiền án phí sơ thẩm 200.000đồng, nộp tiếp 50.000.000đồng về biện pháp tư pháp; bố và mẹ của bị cáo bị bệnh nặng (bố bị ung thư, mẹ bị tai biến, di chứng đột quỵ); bố vợ của bị cáo là thương binh được hưởng trợ cấp. Bị cáo Nguyễn Thị S nộp số tiền 60.200.000đồng bao gồm

tiền phạt bổ sung, tiền án phí, tiền khắc phục hậu quả về biện pháp tư pháp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng. Ngoài ra, cần xem xét thêm các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về loại tội phạm này. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xin hưởng án treo, việc cho các bị cáo được hưởng án treo đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; đồng thời, theo những chủ trương, chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước cũng là tạo điều kiện cho các bị cáo thi hành biện pháp truy thu số tiền thuế còn lại, qua đó đảm bảo khắc phục thiệt hại về kinh tế, thu hồi tài sản để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xử phạt bị cáo Phạm Khánh T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên, cụ thể: Công ty Đ được thành lập ngày 29-7-2022 do Phạm Khánh T là người bỏ vốn và trực tiếp điều hành hoạt động của công ty nhằm nhập khẩu nông sản từ Trung Quốc vào Việt Nam. Do muốn được áp dụng thuế suất 1% thay vì 5%, Phạm Khánh T đã thỏa thuận với Nguyễn Thị S để Nguyễn Thị S lo thủ tục thành lập công ty, kê khai thuế và xử lý các vấn đề liên quan. Từ tháng 10-2022, Phạm Khánh T trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Công ty Đ tiếp nhận thông tin hàng hóa với đối tác Trung Quốc, chuyển thông tin cho các cá nhân được Phạm Khánh T thuê làm dịch vụ để mở 343 tờ khai hàng hóa nhập khẩu tại Cửa khẩu Cảng Đình Vũ - Hải Phòng; Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị và Cửa khẩu Tân Thanh với tổng giá trị tính theo tờ khai Hải quan là 154.216.294.999đồng. Nguyễn Thị S thực hiện tổng hợp các số liệu như số lượng xe, số lượng hàng hóa nhập khẩu, số lượng hàng hóa xuất bán, chi phí vận tải, chi phí khác liên quan sau đó kê khai thuế của Công ty Đ. Toàn bộ hàng hóa sau khi được nhập khẩu Công ty Đ đã xuất bán hết cho các cá nhân trên nhiều tỉnh thành nhưng chỉ kê khai xuất 24 hóa đơn GTGT bán cho khách hàng là cá nhân và 01 hóa đơn xuất bán cho doanh nghiệp là Công ty TNHH S với tổng giá trị xuất bán là 513.408.000đồng và Công ty Đ đã nộp số tiền thuế vào ngân sách là 12.205.700đồng. Công ty Đ không nộp ngân sách Nhà nước đối với số hàng hóa đã bán cho các hộ, các cá nhân kinh doanh do không xuất hóa đơn là 15.641.613.063đồng, trong đó số thuế GTGT là 9.320.316.269đồng, thuế TNDN là 6.321.296.764đồng. Công ty Đ gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước là 15.641.613.063đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo

Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S về tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo rút kháng cáo về biện pháp tư pháp đối với số tiền các bị cáo bị truy thu để nộp ngân sách Nhà nước. Xét thấy, việc các bị cáo rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận việc rút kháng cáo, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm; nội dung về biện pháp tư pháp đối với các bị cáo của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của 02 bị cáo xin hưởng án treo, thấy rằng:

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng nhân thân, đúng vai trò, đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo Phạm Khánh T và mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thị S về tội Trốn thuế là có căn cứ, trong khung khoản của điều luật.

[5] Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ mới, thể hiện: Bị cáo Phạm Khánh T đã nộp số tiền phạt bổ sung 70.000.000đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng; bố của bị cáo bị C18.9-U ác đại tràng đang phải điều trị; mẹ của bị cáo bị di chứng đột quỵ, không xác định là xuất huyết hay nhồi máu; bố vợ của bị cáo là thương binh loại A, thương tật 4/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 31% được hưởng trợ cấp; bị cáo có Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp tổng số tiền 60.200.000đồng bao gồm: 50.000.000đồng tiền phạt bổ sung, 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000đồng về biện pháp tư pháp. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04-5-2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, về chính sách hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực kinh tế thể hiện quan điểm xử lý tội phạm kinh tế theo hướng khoan hồng có điều kiện, có nêu rõ: Trường hợp đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước và là căn cứ quan trọng để xem xét các biện pháp xử lý tiếp theo. Điều này có nghĩa là trong trường hợp hành vi vi phạm buộc phải truy cứu trách nhiệm hình sự, thì cần ưu tiên thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước, tập trung thu hồi tài sản, bồi thường thiệt hại, đặt trọng tâm vào lợi ích thực tế cần bảo vệ - đó là tài sản; đề cao hiệu quả khắc phục hậu quả thay vì chỉ trừng phạt nghiêm khắc. Tại Nghị quyết số 37/2026/QH16 ngày 24-8-2026 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế cũng có quy định, định hướng xử lý vi phạm, tội phạm về kinh tế phù hợp với Nghị quyết số 68-NQ/TW. Tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tiền từ 1,5 tỷ đồng đến 4,5 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 02 năm - 7 năm. Như vậy, đối với tội phạm kinh tế về tội

Trốn thuế theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự cũng thể hiện tinh thần xử lý không chỉ là trừng trị, mà còn có cơ chế mở theo hướng khắc phục hậu quả, thiệt hại, thu hồi tài sản về cho ngân sách Nhà nước, đó chính là lợi ích thực tế cần bảo vệ theo Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 37/2026/QH16.

[7] Xét thấy, số tiền các bị cáo trốn thuế là 15.641.613.063 đồng, các bị cáo đã nộp được 7.000.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; ngoài ra, bị cáo Phạm Khánh T đã nộp 70.000.000 đồng tiền hình phạt bổ sung và nộp thêm 50.000.000 đồng về biện pháp tư pháp để khắc phục hậu quả; bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp 50.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và nộp thêm 10.000.000 đồng về biện pháp tư pháp để khắc phục hậu quả. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo đã nộp để khắc phục thiệt hại cho Nhà nước là đáng kể. Các bị cáo bị phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật; đồng thời theo chủ trương, chính sách quy định của Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 37/2026/QH16 thì cũng là tạo điều kiện cho các bị cáo đi làm tạo thu nhập để thi hành biện pháp truy thu số tiền thuế còn lại, qua đó đảm bảo khắc phục thiệt về kinh tế, thu hồi tài sản để sung vào ngân sách Nhà nước theo chủ trương, định hướng chung. Vì vậy, có căn cứ pháp lý để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự; đình chỉ việc xét xử phúc thẩm của các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S đối với kháng cáo về biện pháp tư pháp. Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2026/HS-ST ngày 17-7-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn về biện pháp tư pháp bị truy thu để nộp ngân sách Nhà nước của các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Bản án phúc

thẩm có hiệu lực pháp luật.

Xác nhận bị cáo Phạm Khánh T đã nộp số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000510 ngày 09-9-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000242 ngày 29-7-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2026/HS-ST ngày 17-7-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đối với phần hình phạt chính của các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S, cụ thể:

2.1. Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 200, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Khánh T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội Trốn thuế. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 21-9-2026.

2.2. Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 200, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Trốn thuế. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 21-9-2026.

Giao các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về việc thi hành án:

Xác nhận bị cáo Phạm Khánh T đã nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000169 ngày 20-7-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Xác nhận bị cáo Phạm Khánh T đã nộp 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) tiền phạt bổ sung theo Biên lai thu tiền số 0000170 ngày 20-7-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và đã nộp 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) tiền phạt bổ sung theo Biên lai thu tiền số 0000242 ngày 29-7-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Khánh T, Nguyễn Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- TANDKV 1 - Lạng Sơn;
- VKSNDKV 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADSKV 1 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
-;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HS, HCTP, GĐKT, TT&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa